

Số: 32/2025/QĐST-VDS

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu xác định cha cho con**

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Mận**
- Thư ký phiên họp: Bà **Lê Thị Thanh Phúc**, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực B – Đà Nẵng.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực B – Đà Nẵng tham gia phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Mai Cúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực B – Đà Nẵng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 12/2025/TLST-VDS ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc “*Yêu cầu xác định cha cho con*” theo Quyết định mở phiên họp số 01/2025/QĐST-VDS ngày 24 tháng 7 năm 2025; giữa các đương sự:

Người yêu cầu:

- Anh **Bùi Ngọc T**, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, thành phố Đà Nẵng.
- Chị **Phan Thị Thu T**, sinh năm: 1991; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, thành phố Đà Nẵng.

Anh Bùi Ngọc T, chị Phan Thị Thu T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Anh Bùi Ngọc T và chị Phan Thị Thu T đều trình bày: Anh chị tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Dân cũ (*nay là UBND xã Phú Ninh*), thành phố Đà Nẵng. Trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị T sinh được 02 (*hai*) cháu là Bùi Ngọc Phúc T (*sinh ngày 26/4/2015*) và Bùi Ngọc Huy H (*sinh ngày 12/02/2023*).

Trong quá trình chung sống, anh chị không còn tình cảm với nhau nên đã ly thân. Sau đó, anh chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ngày 20 tháng 8 năm 2024, anh chị được Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng cũ (*nay Tòa án nhân dân Khu vực N – Đà Nẵng*) cho ly hôn theo Quyết định số 137/2024/QĐST-HNGĐ. Tại Quyết định này anh chị thỏa thuận giao cháu Bùi Ngọc Phúc T (*sinh ngày 26/4/2015*) cho anh Bùi Ngọc T trực tiếp

nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Ngọc Huy H (*sinh ngày 12/02/2023*) cho chị Phan Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, ngày 20/4/2025 anh Bùi Ngọc T đã tiến hành xét nghiệm ADN để xác định quan hệ huyết thống với cháu Bùi Ngọc Huy H. Tại kết quả xét nghiệm ADN ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Công ty TNHH Giám định ADN DANAGEN kết luận: “*Bùi Ngọc T không có quan hệ huyết thống cha – con với Bùi Ngọc Huy H, độ tin cậy >99,9999%*”.

Ngày 01/7/2025, anh chị có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực B - Đà Nẵng giải quyết, xác định anh Bùi Ngọc T không phải là cha của cháu Bùi Ngọc Huy H, sinh ngày 12/02/2023, số định danh cá nhân 049223002688 (*Giấy khai sinh số 213/GKS-BS ngày 27/4/2023, nơi đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã T cũ*), đề xóa tên anh T ra khỏi Giấy khai sinh của cháu Bùi Ngọc Huy H.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B – Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu anh Bùi Ngọc T và chị Phan Thị Thu T là đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ khoản 10 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLTTDS, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 39 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89, Điều 101 và Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Bùi Ngọc T và chị Phan Thị Thu T, không công nhận anh Bùi Ngọc T là cha đẻ của cháu Bùi Ngọc Huy H (*sinh ngày 12/02/2023*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Bùi Ngọc T và chị Phan Thị Thu T cùng có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận cha, con. Đây là yêu cầu về việc xác định cha cho con theo quy định tại khoản 10 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Bùi Ngọc T hiện đang cư trú tại xã P, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực B – Đà Nẵng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Bùi Ngọc T, chị Phan Thị Thu T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh T, chị T.

[2] **Về nội dung:** Chị Phan Thị Thu T và anh Bùi Ngọc T đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T cũ (nay là UBND xã P), thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống chị T sinh được 02 (hai) cháu là Bùi Ngọc Phúc T (sinh ngày 26/4/2015) và Bùi Ngọc Huy H (sinh ngày 12/02/2023). Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 137/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng cũ (nay Tòa án nhân dân Khu vực N – Đà Nẵng) anh chị cùng nhau thỏa thuận giao cháu Bùi Ngọc Phúc T (sinh ngày 26/4/2015) cho anh Bùi Ngọc Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Ngọc Huy H (sinh ngày 12/02/2023) cho chị Phan Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Để xóa tên anh Bùi Ngọc T ra khỏi Giấy khai sinh của cháu Bùi Ngọc Huy H nên anh T đã chứng minh mình không phải là cha đẻ của cháu Bùi Ngọc Huy H (sinh ngày 12/02/2023). Anh Bùi Ngọc T đã tiến hành xét nghiệm ADN để xác định quan hệ huyết thống với cháu Bùi Ngọc Huy H. Tại kết quả xét nghiệm ADN ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Công ty TNHH Giám định ADN DANAGEN kết luận: “Bùi Ngọc T không có quan hệ huyết thống cha – con với Bùi Ngọc Huy H, độ tin cậy >99,9999%”.

Tại Khoản 2 Điều 88 và Khoản 2 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định”; “Người được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó không phải là con mình”.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định anh Bùi Ngọc T (sinh ngày 14/5/1984), số CCCD 049084011894 do do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/5/2023 không phải là cha đẻ của cháu Bùi Ngọc Huy H (sinh ngày 12/02/2023), số định danh cá nhân 049223002688 (Giấy khai sinh số 213/GKS-BS ngày 27/4/2023, nơi đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã T cũ) theo quy định tại khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] **Về lệ phí:** Lệ phí việc dân sự sơ thẩm anh Bùi Ngọc T, chị Phan Thị Thu T chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T, chị T đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 10 Điều 29, Điều 35, Điều 39; Điều 361, Điều 370, Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 39 Bộ luật dân sự 2015; Điều 88, 89, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Phan Thị Thu T và anh Bùi Ngọc T về việc “*Yêu cầu xác định cha cho con*”.

Xác định anh Bùi Ngọc T, sinh ngày 14/5/1984, số CCCD 049084011894 do do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/5/2023 không phải là cha đẻ của cháu Bùi Ngọc Huy H, sinh ngày 12/02/2023, số định danh cá nhân 049223002688 (*Giấy khai sinh số 213/GKS-BS ngày 27/4/2023, nơi đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã T cũ*).

2. Về lệ phí việc dân sự: Anh Bùi Ngọc T, chị Phan Thị Thu T chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án anh T, chị T đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số 0000284 ngày 10/7/2025 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Đà Nẵng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định theo quy định tại Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực B – Đà Nẵng;
- THADS Thành phố Đà Nẵng;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã P,
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Nguyễn Thị Mận